Câu 1.

Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ "gan dạ"?

A. bảo đảm

B. sáng dạ

C. anh minh

D. can đảm

Câu 2.

Từ nào dưới đây chỉ người làm việc trong quân đội?

A. nhân dân

B. bưu tá

C. sĩ quan

D. hậu vệ

Câu 3.

Đáp án nào dưới đây chứa từ đa nghĩa?

A. đậu nành - neo đậu

B. đồng xu - đồng ruộng

C. đầu tóc - đầu bảng

D. thu hoạch - mùa thu

Câu 4.

Đuổi hình bắt chữ: Đây là gì?

A round wooden table with a red arrow pointing down

Description automatically generated

A. bàn luận

B. bóng đá

C. bàn bạc

D. bóng bàn

Câu 5.

Câu thơ nào dưới đây ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người dân Việt Nam?

A. Không gian là nẻo đường xa

Thời gian vô tận mở ra sắc màu.

B. Đất nghèo nuôi những anh hùng

Chìm trong máu chảy lại vùng đứng lên.

C. Bốn mùa là bốn câu thơ

Ngọt ngào nồng ấm giữa bờ ca dao.

D. Lích cha lích chích vành khuyên

Mổ từng hạt nắng đọng nguyên sắc vàng.

Câu 6.

Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. rèn luyện

B. giục giã

C. rắn giỏi

D. duyên dáng

Câu 7.

Nghe và cho biết đoạn văn miêu tả khung cảnh nào?

((Audio))

A. Đêm trăng trên cánh đồng

B. Đêm trăng trên biển

C. Bình minh trên biển

D. Hoàng hôn trên biển

Câu 8.

Câu nào dưới đây có từ dùng để xưng hô?

A. Buổi tổng vệ sinh sẽ diễn ra vào thứ Bảy hàng tuần.

B. Mẹ ơi, con đi đá bóng một lát được không ạ?

C. Sân trường rợp bóng cây xanh mát.

D. Ngày hội đọc sách sẽ được tổ chức ở đâu?

Câu 9.

Từ nào dưới đây không cùng nhóm nghĩa với các từ còn lại?

A. thuỳ mị

B. nết na

C. xinh đẹp

D. dịu dàng

Câu 10.

Câu nào dưới đây phù hợp để mô tả hình ảnh sau?

A person holding a bouquet of flowers

Description automatically generated

A. Bạn Linh Nhi cảm ơn và tặng thầy giáo một bó hoa tươi thắm.

B. Bộ áo dài đỏ khiến cô trông thật nổi bật khi đứng trên bục giảng.

C. Cô Thu Hằng trông thật duyên dáng trong tà áo dài tím dịu dàng.

D. Tuấn Lâm thay mặt các bạn nam trong lớp tặng cô giáo một bó hoa.

Câu 11.

Câu nào dưới đây sử dụng biện pháp nhân hoá để mô tả hình ảnh sau?

A cartoon of a child planting a plant

Description automatically generated

A. Tuấn Vũ rất thích thú khi được tự tay trồng chậu cây nhỏ để tặng bà nội.

B. Minh Hiếu gieo hạt, ít lâu sau, hạt đã nảy mầm rồi mọc thành cây non bé xíu.

C. Những chiếc lá xanh non, tí xíu như chiếc tai nhỏ khẽ lay động trong gió.

D. Những cây non mới trồng cảm thấy thật hạnh phúc khi được cậu chủ nhỏ chăm sóc mỗi ngày.

Câu 12.

Giải câu đố sau:

Sông gì đượm ngát mùi hương

Quanh năm in bóng kinh thành Huế xưa?

Ngàn năm đất nước xin thưa

Sông kia thay áo như tơ lụa đào.

A. Sông Lam

B. Sông Hồng

C. Sông Hương

D. Sông Thao

Câu 13.

Từ nào thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau?

Phượng khoe áo mới gọi [...]

Chui lên mặt đất con ve gọi mùa

Sen thơm trong ngọn sóng lùa

Gọi làn gió mát thoảng bờ ao quê.

(Theo Nguyễn Lãm Thắng)

A. xuân

B. hè

C. thu

D. đông

Câu 14.

Câu tục ngữ nào dưới đây nói về ý chí, nghị lực của con người?

A. Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

B. Đói cho sạch, rách cho thơm.

C. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

D. Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo.

Câu 15.

Tiếng "tay" trong câu nào dưới đây mang nghĩa chuyển?

A. Mùa đông giá rét, mẹ dặn Nghĩa đeo găng để giữ ấm đôi tay.

B. Cô cầm tay bé Hà luyện viết những nét chữ đầu tiên.

C. Nhung cẩn thận bưng đĩa hoa quả bằng hai tay để mời ông bà.

D. Bố đang lúi húi sửa lại chiếc tay nắm cửa bị hỏng.

Câu 16.

Hình ảnh dưới đây gợi nhắc đến thành ngữ nào?

A cartoon of a child diving under water

Description automatically generated

A. Lên thác xuống ghềnh

B. Rừng vàng biển bạc

C. Mò kim đáy bể

D. Chim sa cá lặn

Câu 17.

Câu nào dưới đây có chứa từ đa nghĩa?

A. Bố mẹ bàn nhau sẽ mua bộ bàn học mới cho hai anh em.

B. Lá cọ xoè ra cọ vào tán lá xung quanh nghe xào xạc trong gió.

C. Bác nông dân thu hoạch được nhiều thúng quả tươi ngon từ những vườn cây tươi tốt.

D. Mẹ ngả lưng tựa vào lưng ghế sẽ thấy dễ chịu hơn nhiều.

Câu 18.

Từ đồng nghĩa nào có thể thay thế cho từ in đậm trong câu dưới đây?

Chúng tôi vô cùng choáng ngợp trước khung cảnh nguy nga trước mắt.

A. hào hùng

B. bao la

C. tráng lệ

D. nhộn nhịp

Câu 19.

Tiếng "minh" có thể ghép với những tiếng nào dưới đây để tạo thành danh từ?

A. chứng, mẫn

B. thuyết, văn

C. bình, châu

D. anh, bạch

Câu 20.

Từ nào dưới đây chứa tiếng "kết" có nghĩa là "gắn bó"?

A. kết luận

B. liên kết

C. tổng kết

D. chung kết

Câu 21.

Điền "g" hoặc "gh" vào chỗ trống:

[[g]] ép nối

thu [[gh]] om

Câu 22.

Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành bài ca dao sau:

((Audio))

Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông

Núi [[cao]] biển [[rộng]] mênh mông

Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Câu 23.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Con cái [[khôn]], vẻ vang cha mẹ.

Câu 24.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành đoạn hội thoại sau:

Đêm hè [[,]] đám trẻ rủ nhau ra triền đê hóng mát. Bọn trẻ say sưa ngắm nhìn bầu trời đêm tựa tấm thảm nhung lấp lánh. Cái Nhung bỗng cất tiếng [[:]]

- Thật kì diệu [[!]] Tớ không hiểu tại sao những vì sao kia ở rất xa mà chúng mình vẫn nhìn thấy [[?]]

Cái Trâm liền đáp:

[[.]] Ước gì mình được đặt chân lên những vì sao kia.

Thế là cả đám nhao nhao lên, thi nhau kể về những ước mơ của mình.

Câu 25.

Tên loại cây nào bắt đầu bằng "n" hoặc "l" thuộc họ đậu, cây thấp, lá kép, quả mọc cắm xuống đất, hạt ăn có vị bùi, thường dùng để ăn, đồ xôi hay ép dầu?

Đáp án: cây [[lạc]]

Câu 26.

Giải câu đố sau:

Để nguyên sao sáng trên trời

Bỏ nặng, thêm sắc hỏng rồi vứt đi

Bớt đầu thì được con gì

Chui trong cái vỏ đen sì dưới ao.

Từ khi bỏ nặng, thêm sắc là từ [[hỏng]] .

Câu 27.

Chọn từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn sau:

Tờ mờ sáng, rừng núi, bản làng còn đang chìm trong giấc ngủ. Làn sương (lách cách, mỏng manh, đục ngầu) [[mỏng manh]] như chiếc khăn voan (phủ, gói, bọc) [[phủ]] lên vạn vật. Không gian vô cùng (yên ổn, yên tĩnh, yên ấm) [[yên tĩnh]] , thỉnh thoảng vang lên mấy tiếng gà (hót, hí, gáy) [[gáy]] sáng và tiếng sương đêm rơi (khúc khích, lọc xọc, tí tách) [[tí tách]] trên phiến lá.

(Theo Ngọc Mai)

Câu 28.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ đồng nghĩa.

- thông minh [(sáng dạ)]

- kiên cường [(bất khuất)]

- nhân hậu [(tốt bụng)]

- trung thực [(thật thà)]

- giản dị [(mộc mạc)]

- mộc mạc

- thật thà

- tốt bụng

- sáng dạ

- bất khuất

Câu 29.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ trái nghĩa.

- thong thả [(vội vàng)]

- đoàn kết [(chia rẽ)]

- cẩn thận [(cẩu thả)]

- cố định [(thay đổi)]

- thuận lợi [(khó khăn)]

- vội vàng

- khó khăn

- chia rẽ

- thay đổi

- cẩu thả

Câu 30.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành câu có hình ảnh so sánh phù hợp.

- Lá phượng rụng lả tả [(như mưa rơi.)]

- Lá cọ xoè ra [(như vầng mặt trời xanh.)]

- Lá bàng non [(như chiếc tai thỏ.)]

- Lá dứa vươn lên [(như thanh kiếm nhọn hoắt.)]

- như thanh kiếm nhọn hoắt.

- như vầng mặt trời xanh.

- như mưa rơi.

- như chiếc tai thỏ.